

Mẫu CBTT - 07

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn
về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO TÀI SẢN CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
 3 Tên Quỹ : **Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1**
 4 Ngày lập báo cáo: 05/10/2009

Đơn vị tính: VNĐ

STT	TÀI SẢN	KỲ BÁO CÁO Tháng 09/2009	KỲ BÁO CÁO Tháng 08/2009
1	Tiền	202,048,018,244	89,539,230,734
2	Các khoản đầu tư	2,315,331,004,598	2,401,839,280,397
2.1	Trái phiếu	268,266,039,349	341,611,402,265
2.2	Cổ phiếu	2,047,064,965,249	2,060,227,878,132
2.2.1	CP niêm yết	1,422,058,094,500	1,443,806,001,300
2.2.2	CP chưa niêm yết	625,006,870,749	616,421,876,832
3	Cổ tức được nhận	3,796,592,000	1,190,070,000
4	Lãi được nhận	10,076,701,598	8,827,867,423
4.1	Lãi trái phiếu	9,452,140,000	8,647,437,000
4.2	Lãi TGNH	624,561,598	180,430,423
5	Tiền bán chứng khoán chờ thu	208,390,095,400	24,694,296,400
6	Các khoản phải thu khác	3,225,000,000	
7	Các tài sản khác	81,500,000,000	81,500,000,000
	TỔNG TÀI SẢN	2,824,367,411,840	2,607,590,744,954
STT	NỢ	KỲ BÁO CÁO Tháng 09/2009	KỲ BÁO CÁO Tháng 08/2009
8	Tiền phải thanh toán GD chứng khoán	1,125,747,549	6,012,383,734
8.1	Phải trả GDCK niêm yết		5,384,800,000
8.2	Phí môi giới GDCK	1,125,747,549	627,583,734
9	Các khoản phải trả khác	5,115,716,214	4,731,499,821
9.1	Phí quản lý quỹ	4,705,031,969	4,335,593,130
9.2	Phí lưu ký, giám sát	188,201,279	173,423,725
9.3	Thù lao BDD	46,000,000	46,000,000
9.5	Phí kiểm toán		
9.6	Phải trả khác	176,482,966	176,482,966
10	Cổ tức phải trả cho nhà đầu tư VF1		

	TỔNG NỢ	6,241,463,763	10,743,883,555
	TÀI SẢN RÒNG CỦA QUỸ	2,818,125,948,077	2,596,846,861,399
11	Tổng số đơn vị quỹ	100,000,000	100,000,000
12	Giá trị của một đơn vị quỹ	28,181	25,968

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

V.T.TRÂM ANH

LÊ THỊ THÀNH TÂM

Mẫu CBTT - 08

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

**BÁO CÁO THAY ĐỔI GIÁ TRỊ TÀI SẢN RÒNG
CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1**

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam

2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)

3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1

4 Ngày lập báo cáo: 05/10/2009

Đơn vị tính: VNĐ

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 09/2009	KỲ BÁO CÁO Tháng 08/2009
I	Giá trị tài sản ròng đầu kỳ	2,596,846,861,399	2,272,275,556,030
II	Thay đổi trong giá trị tài sản ròng của Quỹ trong kỳ	221,279,086,678	324,571,305,369
	Trong đó	-	-
1	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do các hoạt động liên quan đến đầu tư của Quỹ trong kỳ	221,279,086,678	324,571,305,369
2	Thay đổi giá trị tài sản ròng của Quỹ do việc phân phối thu nhập của Quỹ cho các nhà đầu tư trong kỳ	-	-
III	Giá trị tài sản ròng cuối kỳ	2,818,125,948,077	2,596,846,861,399
IV	Giá trị của một đơn vị Quỹ	28,181	25,968

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

Mẫu CBTT - 09

(Ban hành kèm theo Thông tư số 38/2007/TT-BTC ngày 18/04/2007 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc Công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

BÁO CÁO HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ CỦA QUỸ ĐẦU TƯ CHỨNG KHOÁN VIỆT NAM - VF1

Ngày 30 tháng 09 năm 2009

- 1 Tên công ty quản lý quỹ : Công ty Cổ phần Quản lý Quỹ Đầu tư Việt Nam
 2 Tên ngân hàng giám sát : Ngân hàng TMCP Ngoại Thương Việt Nam (Vietcombank)
 3 Tên Quỹ : Quỹ đầu tư chứng khoán Việt Nam - VF1
 4 Ngày lập báo cáo: 05/10/2009

STT	CHỈ TIÊU	KỲ BÁO CÁO Tháng 09/2009	KỲ TRƯỚC Tháng 08/2009	LŨY KẾ TỪ ĐẦU NĂM 2009
I	Thu nhập từ hoạt động đầu tư	4,931,538,164	5,670,673,099	62,675,348,589
1	Cổ tức được nhận	3,048,192,000	2,566,644,800	31,090,839,980
2	Lãi được nhận	1,883,346,164	3,104,028,299	31,583,824,048
2.1	Lãi TGNH	677,113,740	799,972,299	14,180,604,624
2.2	Lãi trái phiếu	1,206,232,424	2,304,056,000	17,403,219,424
3	Thu nhập khác			684,561
II	Chi phí	5,710,117,603	4,617,898,662	34,861,803,624
1	Phí quản lý quỹ	4,705,031,969	4,335,593,130	30,625,291,135
2	Phí lưu ký, giám sát	188,201,279	173,423,725	1,332,596,182
3	Các loại chi phí khác	816,884,355	108,881,807	2,903,916,307
	Phí ngân hàng	9,034,695	6,357,036	61,186,595
	Thù lao Ban đại diện	46,000,000	46,000,000	454,000,000
	Phí môi giới bán CK	758,107,945	53,311,580	1,329,073,139
	Phí quản lý niêm yết & lưu ký	3,741,715	3,213,191	51,444,673
	Phí kiểm toán			40,004,041
	Phí họp Đại hội nhà đầu tư thường niên			839,842,481
	Phí họp Ban Đại Diện Quỹ VF1			37,235,481
	CP công tác phí BDD quỹ			63,741,314
	Chi phí khác			27,388,583
III	Thu nhập ròng từ hoạt động đầu tư (I-II)	(778,579,439)	1,052,774,437	27,813,544,965
IV	Lãi (lỗ) từ hoạt động đầu tư	222,057,666,117	323,518,530,932	1,093,340,359,764
1	Lãi (lỗ) thực tế phát sinh từ hoạt động đầu tư	152,660,159,134	2,664,793,185	116,045,776,418
2	Thay đổi về giá trị của các khoản đầu tư trong kỳ	69,397,506,983	322,041,136,284	977,294,583,346
3	Ghi nhận quyền phát hành thêm cp		(1,187,398,537)	

V	Thay đổi của giá trị tài sản ròng của quỹ do các hoạt động đầu tư trong kỳ (III+IV)	221,279,086,678	324,571,305,369	1,121,153,904,729
---	---	-----------------	-----------------	-------------------

NGÂN HÀNG GIÁM SÁT

Người lập biểu

CÔNG TY QUẢN LÝ QUỸ

Giám đốc tài chính

Tổng Giám đốc

V.T.TRÂM ANH

LÊ THỊ THÀNH TÂM